

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 01 - 2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Giữ.

2. Ông Đỗ Sơn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

Ngày 07 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 625/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 381/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Mỹ D, sinh năm 2000; Nơi cư trú: Số 28, tổ 1, ấp LP, xã OLV, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Cao Dĩ K, sinh năm 2000; Nơi cư trú: Nơi cư trú: Số 35, tổ 2, ấp LT, xã OLV, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, có đơn xin vắng mặt.

NỘI D V VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/10/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trương Thị Mỹ D trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông K kết hôn tháng 01 năm 2020, hôn nhân do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Nhưng dần về sau thì bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên Ph sinh mâu thuẫn, thường hay cãi nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, từ đó sống ly thân khoảng 02 tháng nay, hiện tại bà không còn tình cảm với ông K. Nay nhận thấy tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được tình cảm của bà với ông K nên bà yêu cầu ly hôn với ông Cao Dĩ K.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trương Tấn Ph, sinh ngày

14/05/2020, hiện con chung đang sống với bà D. Sau khi ly hôn bà yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải ngày 15/12/2020, bị đơn ông Cao Dĩ K trình bày:

- Về hôn nhân: Về điều kiện đi đến hôn nhân đúng như bà D trình bày. Vợ chồng ông không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay bà D yêu cầu ly hôn vợ ông thì ông cũng thống nhất ly hôn với bà Trương Thị Mỹ D.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trương Tấn Ph, sinh ngày 14/05/2020, hiện con chung đang sống với bà D. Sau khi ly hôn ông đồng ý giao con chung Tấn Ph cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con chung. Ông xin được quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự về việc ly hôn, bị đơn cư trú tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội D vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông K chung sống với nhau từ tháng 01/2020, không đăng ký kết hôn nên quan hệ giữa ông, bà không được công nhận là quan hệ vợ chồng, không làm Ph sinh quyền, nghĩa vụ vợ chồng. Theo bà D quá trình chung sống, vợ chồng Ph sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đời sống chung không hòa hợp, vợ chồng không còn tiếng nói chung nên đã ly thân khoảng 02 tháng nay. Bà D yêu cầu ly hôn ông K. Ông K cũng đồng ý ly hôn với bà D, thấy rằng giữa ông bà đã Ph sinh mâu thuẫn.

Do bà D và ông K không đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà D và ông K theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC- BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016; Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà D và ông K có 01 con chung tên Trương Tấn Ph, sinh ngày 14/05/2020, hiện con chung đang sống với bà D. Bà D và ông K thống nhất giao con chung Trương Tấn Ph cho bà D trực tiếp nuôi. Do đó, để tạo điều

kiện cho con chung Trương Tấn Phấn ổn định về tâm lý, chỗ ở và sự Phấn triển về mọi mặt, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung Trương Tấn Phấn cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông K không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà D cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp. Ông Cao Dĩ K không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC- BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trương Thị Mỹ D và ông Cao Dĩ K.

2. Về quan hệ con chung:

- Giao con chung chưa thành niên Trương Tấn Phấn cho bà Trương Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Cao Dĩ K không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Bà D cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người

trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 00008479 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú. Ông Cao Dĩ K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Trương Thị Mỹ D và ông Cao Dĩ K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- CCTHADS huyện Châu Phú;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Vũ